

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DSST  
Ngày: 21-01- 2022  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Tấn Phát và bà Mai Thị Ngọc Tuyết

*Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* ông Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2021/TLST-DS ngày 18/10/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 139/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần ....., Địa chỉ: 266-268 N.. phường .., Quận .., Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Phi K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP ..... – chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: 205-207-209-211 H, phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ông K ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T, chức vụ: chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP ..... – chi nhánh Phú Yên làm đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn K, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI D V U Á N:**

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ

phần ....., bà T trình bày: Ngày 05/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP ..... – phòng giao dịch S – chi nhánh Phú Yên (gọi tắt: Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Lệ D có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD 1809500573, theo đó Ngân hàng cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 05/4/2018 đến ngày 05/4/2022), mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất 09%/năm, hình thức vay: tín chấp. Sau khi vay, bà D đã trả nợ như cam kết nhưng kể từ ngày 30/03/2020 cho đến nay bà D đã không trả nợ nên khoản nợ trên chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù, nhiều lần Ngân hàng đã liên hệ và nhắc nhở nhưng bà D vẫn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 21/01/2022 bà D còn nợ tổng cộng số tiền 78.919.780 đồng trong đó nợ gốc 54.174.000 đồng, nợ lãi trong hạn 17.250.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.888.280 đồng, lãi phạt quá hạn 1.607.500 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà D phải trả dứt điểm số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh sau ngày 21/01/2022 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi bà D trả nợ xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội D vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2022 là 78.919.780 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D có nơi cư trú thôn Kỳ Lộ, xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhưng tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số LD 1809500573 ngày 05/3/2018 các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nơi có trụ sở Chi nhánh Ngân hàng TMCP ..... – chi nhánh Phú Yên (Địa chỉ: 205-207-209-211 H, phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên) để giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt

đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD 1809500573 ngày 05/4/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ..... – phòng giao dịch Sông Cầu – chi nhánh Phú Yên số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 05/4/2018 đến ngày 05/4/2022), mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất 09%/năm, hình thức vay: tín chấp. Sau khi vay, bà D đã trả nợ như cam kết nhưng kể từ ngày 30/03/2020 cho đến ngày 21/01/2022 bà D đã không trả nợ nên khoản vay nêu trên chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/01/2022 bị đơn bà D còn nợ nguyên đơn tổng cộng số tiền 78.919.780 đồng trong đó nợ gốc 54.174.000 đồng, nợ lãi trong hạn 17.250.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.888.280 đồng, lãi phạt quá hạn 1.607.500 đồng. Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 78.919.780 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần .....

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ..... tổng cộng số tiền 78.919.780 đồng (*bảy mươi tám triệu chín trăm mười chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2022), bà Nguyễn Thị Lệ D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Lệ D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu 3.946.000 đồng (*ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ..... số tiền tạm ứng án phí 1.859.000 đồng (*một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0004741 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**